

[Trích từ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường 2020]

Chương VII
TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ, XỬ LÝ SẢN PHẨM, BAO BÌ THẢI BỎ
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU

Mục 1.
TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ SẢN PHẨM, BAO BÌ
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU

Điều 90. Đối tượng và lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (sau đây viết tắt là nhà sản xuất, nhập khẩu) các sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Nghị định này để bán trên thị trường Việt Nam.

2. Trường hợp sản phẩm quy định tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Nghị định này có sử dụng sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Nghị định này thì nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm đó có trách nhiệm tái chế thay cho nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm bao bì được sử dụng.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo lộ trình quy định tại cột 7 Phụ lục 52 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 91. Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế

1. Tỷ lệ tái chế bắt buộc (R) của từng loại sản phẩm, bao bì được xác định trên cơ sở tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm, bao bì; mục tiêu tái chế quốc gia, yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước từng thời kỳ.

2. Tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm, bao bì cụ thể được xác định theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tỷ lệ tái chế} & & \text{Hệ số thải bỏ} & & \text{Hệ số thu gom} \\ \text{thực tế} & = & \text{sản phẩm,} & \times & \text{sản phẩm, bao bì} \\ \text{(Ra)} & & \text{bao bì} & & \text{(T)} \\ & & \text{(D)} & & \end{array}$$

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định hệ số thải sản phẩm, bao bì (D) và hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T) quy định tại khoản này.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu có thể tái chế các sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu hoặc tái chế sản phẩm, bao bì cùng loại do nhà sản xuất, nhập khẩu khác sản xuất, nhập khẩu để đạt được tỷ lệ tái chế bắt buộc.

4. Trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện tái chế cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm.

5. Quy trình xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc được quy định như sau:

a) Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Văn phòng thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu Việt Nam (sau đây viết tắt là Văn phòng EPR Việt Nam) xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc;

b) Văn phòng EPR Việt Nam tổ chức khảo sát thực tế, tham vấn tổ chức, cá nhân có liên quan và đề xuất tỷ lệ tái chế bắt buộc;

c) Hội đồng Quốc gia thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu (sau đây viết tắt là Hội đồng EPR quốc gia) thảo luận, thông qua tỷ lệ tái chế bắt buộc trên cơ sở các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tỷ lệ tái chế bắt buộc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng EPR quốc gia.

6. Tỷ lệ tái chế được điều chỉnh theo mục tiêu tái chế quốc gia, yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần; trường hợp cần thiết, tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Hội đồng EPR quốc gia kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận.

7. Sản phẩm, bao bì phải được tái chế theo quy cách bắt buộc quy định tại cột 6 Phụ lục 52 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 92. Đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì (F) được xác định theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Số} & & & & & & \text{Định mức} & & \text{Chi phí} \\ \text{tiền đóng} & = & \text{Tỷ lệ} & \text{Lượng sản} & & & \text{chi phí tái} & + & \text{quản lý, tổ} \\ \text{góp (F)} & & \text{tái chế} & \text{phẩm, bao bì} & \text{x} & & \text{chế sản} & & \text{chức tái chế} \\ & & \text{(R)} & \text{(V)} & & & \text{phẩm, bao bì} & & \text{(Fm)} \\ & & & & & & \text{(Fs)} & & \end{array}$$

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định định mức chi phí tái chế (Fs) và chi phí quản lý, tổ chức tái chế (Fm) của từng loại sản phẩm, bao bì cụ thể quy định tại khoản này.

2. Quy trình xác định đóng góp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được quy định như sau:

a) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng EPR Việt Nam tính toán, xác định đóng góp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng sản phẩm, bao bì;

b) Văn phòng EPR Việt Nam tổ chức khảo sát thực tế, tham vấn tổ chức, cá nhân có liên quan và đề xuất định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì (Fs) để xác định số tiền đóng góp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho từng sản phẩm, bao bì;

c) Hội đồng EPR quốc gia thảo luận, thông qua định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì (Fs) để xác định số tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho từng sản phẩm, bao bì;

d) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì để (Fs) xác định số tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho từng sản phẩm, bao bì trên cơ sở đề nghị của Hội đồng EPR quốc gia.

3. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi Văn phòng EPR Việt Nam để công khai việc tiếp nhận, sử dụng đóng góp tài chính hàng năm trên Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

Điều 93. Đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả tái chế và kê khai, đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ tái chế

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu đăng ký kế hoạch tái chế và báo cáo kết quả tái chế của năm trước theo mẫu quy định tại Phụ lục 53 ban hành kèm theo Nghị định này với Văn phòng EPR Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 hằng năm; trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện tái chế thì bên thứ ba có trách nhiệm đăng ký, báo cáo thay cho nhà sản xuất, nhập khẩu.

2. Trường hợp kế hoạch tái chế hoặc báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 10 ngày làm việc; trường hợp sản phẩm, bao bì được sản xuất thực tế cao hơn so với đăng ký thì nhà sản xuất phải nộp bổ sung kinh phí vào kỳ tiếp theo để thực hiện trách nhiệm tái chế cho phần chênh lệch; trong trường hợp thấp hơn so với đăng ký kế hoạch thì kinh phí chênh lệch đã nộp được chuyển vào kỳ tiếp theo và được khấu trừ.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam.

4. Việc đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế được thực hiện như sau:

a) Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu gửi bảng kê khai theo mẫu quy định tại Phụ lục 54 ban hành kèm theo Nghị định này về Văn phòng EPR Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 hàng năm;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảng kê khai của nhà sản xuất, nhập khẩu, Văn phòng EPR Việt Nam xác định số tiền phải nộp và gửi thông báo nộp tiền cho nhà sản xuất, nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục số 55 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền của Văn phòng EPR Việt Nam;

d) Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam tổng hợp, thông báo cho Văn phòng EPR Việt Nam số lượng nhà sản xuất, nhập khẩu, số tiền tiếp nhận từ nhà sản xuất, nhập khẩu trước ngày 15 tháng 5 hàng năm và công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Nghị định này.

5. Nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đăng ký kế hoạch, bảng kê khai, báo cáo kết quả tái chế.

6. Văn phòng EPR có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và công khai, gửi kết quả tái chế cho các nhà sản xuất, nhập khẩu đã đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế.

Điều 94. Xử lý trường hợp không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc theo kế hoạch tái chế đã đăng ký hoặc trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế thì ngoài bị xử lý vi phạm hành chính còn bị truy thu số tiền chi ra để tái chế phần tỷ lệ không đạt được, cộng thêm 30% số tiền bị truy thu và tăng 10% số tiền bị truy thu nếu tiếp tục không nộp trong kỳ tiếp theo.

Số tiền bị truy thu và chậm nộp quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo đóng góp tài chính quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất, nhập khẩu bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp số tiền truy thu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền mà nhà sản xuất, nhập khẩu không nộp số tiền truy thu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng EPR Việt Nam có văn bản đề nghị cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan xử lý.

4. Văn phòng EPR Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 95. Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì

1. Nhà sản xuất lựa chọn hình thức tổ chức tái chế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 54 Luật bảo vệ môi trường có thể thực hiện tái chế bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tự mình thực hiện tái chế;
- b) Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế;
- c) Ủy quyền toàn bộ cho bên thứ ba để tổ chức tái chế.

2. Trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu lựa chọn hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường thì không phải thực hiện các hình thức tái chế quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nhà nhập khẩu chỉ được lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế hoặc ủy quyền cho bên thứ ba để tổ chức tái chế theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

4. Văn phòng EPR Việt Nam tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc theo hình thức được Hội đồng EPR quốc gia chấp thuận để tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm chi trả kinh phí tái chế theo hợp đồng đã được ký kết cho đơn vị tái chế.

5. Biên lai thu tiền của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc hợp đồng ký với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan hải quan cho thông quan lô hàng sản phẩm, bao bì nhập khẩu; không thông quan sản phẩm, bao bì khi nhà nhập khẩu chưa nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc chưa ký kết hợp đồng với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 96. Điều kiện thực hiện trách nhiệm tái chế

1. Nhà sản xuất tự mình thực hiện tái chế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 Nghị định này và đơn vị tái chế được nhà sản xuất, nhập khẩu thuê để thực hiện tái chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 95 phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nhà sản xuất không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này không được tự thực hiện tái chế. Nhà sản xuất, nhập khẩu không ký hợp

đồng tái chế với đơn vị tái chế không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 95 phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;
- c) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền;
- d) Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế; trường hợp tổ chức tái chế bao bì thì phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền.

4. Bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tái chế phải đăng ký hoạt động và phải được Văn phòng EPR Việt Nam chứng nhận trước khi hoạt động và chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhà sản xuất, nhập khẩu trong phạm vi được ủy quyền.

5. Hồ sơ đăng ký hoạt động của bên thứ ba gồm:

- a) Giấy đăng ký hoạt động theo mẫu tại Phụ lục số 56 ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Giấy tờ, văn bản chứng minh đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động, Văn phòng EPR Việt Nam có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận thì Văn phòng EPR Việt Nam thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Giấy chứng nhận cho bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế theo mẫu tại Phụ lục 57 ban hành kèm theo Nghị định này. Giấy xác nhận có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký

7. Việc thu hồi Giấy chứng nhận được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đáp ứng một hoặc các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.
- b) Giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các thông tin trong hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này;
- c) Vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; không thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền.

8. Trường hợp bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế bị giải thể hoặc phá sản hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc không thực hiện trách nhiệm tái chế thì nhà sản xuất, nhập khẩu phải chịu trách nhiệm tái chế đã ủy quyền.

9. Bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu. Việc lựa chọn, ký kết phải công khai, minh bạch và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc bằng hình thức khác do nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền chấp thuận.

Mục 2.

TRÁCH NHIỆM XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU

Điều 97. Đối tượng, thời điểm phải đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 58 ban hành kèm theo Nghị định này để bán trên thị trường Việt Nam có trách nhiệm đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải.

2. Mức đóng góp tài chính đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại cột 6 Phụ lục 58 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thời điểm nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện trách nhiệm đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải quy định tại cột 7 Phụ lục 58 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 98. Trình tự thực hiện đóng góp kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định này nộp bản kê khai khối lượng, chủng loại sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu quy định tại Phụ lục 58 ban hành kèm theo Nghị định này về Văn phòng EPR Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

2. Mẫu bảng kê khai số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục 54 ban hành kèm theo Nghị định này. Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin trong bảng kê khai của mình.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảng kê khai của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng EPR Việt Nam xác định số tiền phải nộp và gửi thông báo nộp tiền cho nhà sản xuất theo mẫu tại Phụ lục 55 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng EPR Việt Nam.

5. Biên lai nộp tiền của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là căn cứ để cơ quan hải quan cho phép thông quan sản phẩm, bao bì nhập khẩu. Không thông quan sản phẩm, bao bì nhập khẩu khi nhà nhập khẩu chưa nộp tiền cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

6. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định này không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đóng góp kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì ngoài bị xử lý vi phạm hành chính còn bị truy thu số tiền chậm nộp cộng thêm 50% số tiền phải nộp và tăng 10% số tiền bị truy thu nếu tiếp tục không nộp trong kỳ tiếp theo.

Việc xử lý, truy thu trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đóng góp kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và truy thu số tiền vi phạm được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 94 Nghị định này.

Điều 99. Thực hiện hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải

1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xử lý chất thải quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật bảo vệ môi trường thì lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi Văn phòng EPR Việt Nam trước ngày 15 tháng 10 hằng năm để lựa chọn, phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định;

b) Đề xuất dự án xử lý chất thải theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định;

c) Bản sao văn bản thành lập hoặc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cộng đồng đề nghị hỗ trợ (nếu có).

3. Việc lựa chọn và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xử lý chất thải được quy định như sau:

a) Văn phòng EPR Việt Nam thông báo công khai tiêu chí tài trợ hằng năm sau khi được Hội đồng EPR quốc gia phê duyệt;

b) Văn phòng EPR Việt Nam tổng hợp và tổ chức thẩm tra hồ sơ đề nghị tài trợ của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 30 ngày làm việc trước khi trình Hội đồng EPR quốc gia xem xét, phê duyệt.

c) Hội đồng EPR quốc gia thảo luận, phê duyệt các dự án nhận tài trợ;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng EPR phê duyệt, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo công khai các dự án được nhận hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng và Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng EPR Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ký kết hợp đồng tài trợ với cơ quan, tổ chức, cộng đồng có dự án được nhận hỗ trợ. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng tài trợ thực hiện theo quy định của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Dự án được hỗ trợ kinh phí là các dự án phục vụ trực tiếp cho lợi ích cộng đồng, không vì mục tiêu lợi nhuận.

5. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và công khai tổng mức đóng góp và kết quả sử dụng kinh phí đóng góp hàng năm trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo trên Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia.

Mục 3.

CUNG CẤP, QUẢN LÝ THÔNG TIN VÀ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ, XỬ LÝ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU

Điều 100. Cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu được quy định tại Điều 90 và Điều 97 Nghị định này có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu về thành phần nguyên vật liệu; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý sau tiêu dùng; cảnh báo rủi ro trong quá trình tái chế, tái sử dụng, xử lý sản phẩm, bao bì.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thể hiện trên bao bì của sản phẩm hoặc hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 90 Nghị định này phải sử dụng biểu tượng tái chế quốc gia trên nhãn hiệu, bao bì của sản phẩm, bao bì để người tiêu dùng nhận biết và phân loại. Biểu tượng tái chế quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng ký, công bố.

4. Cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì theo đề nghị của Văn phòng EPR Việt Nam.

5. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 90 và Điều 97 Nghị định này có trách nhiệm báo cáo thông tin về số lượng, khối lượng, chủng loại của từng sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu hàng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 53 ban hành kèm theo Nghị định này về Văn phòng EPR Việt Nam trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

Điều 101. Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia

1. Thông tin thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Nghị định này phải được đăng ký, tổng hợp, quản lý và công khai trên Cổng thông tin điện tử EPR Quốc gia.

2. Văn phòng EPR Việt Nam tổng hợp, thu thập thông tin, dữ liệu, xây dựng, quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia.

3. Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia được đồng bộ hóa dữ liệu và kết nối với các cơ sở dữ liệu về thuế, hải quan và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

4. Việc chia sẻ, kết nối thông tin dữ liệu quốc gia được mở và phân cấp căn cứ vào loại tài khoản và đối tượng đăng ký.

Điều 102. Hội đồng EPR quốc gia

1. Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; có nhiệm vụ tư vấn Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Chương này.

2. Hội đồng EPR quốc gia gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương; đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu và một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Chủ tịch Hội đồng EPR quốc gia là Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành viên Hội đồng EPR quốc gia; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia.

Điều 103. Văn phòng EPR Việt Nam

1. Văn phòng Văn phòng EPR Việt Nam là cơ quan thường trực của Hội đồng EPR quốc gia đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường; được Bộ Tài nguyên và Môi trường giao quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 90 và Điều 97 Nghị định này.

2. Văn phòng EPR Việt Nam là tổ chức của nhà sản xuất, nhập khẩu; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật chịu sự chỉ đạo, quản lý, giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức và phê duyệt quy chế hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam trên cơ sở đề xuất của Hội đồng EPR quốc gia.

Hội đồng EPR quốc gia quyết định kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chương này.

Điều. Hiệu lực thi hành

2. Bãi bỏ Quyết định 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.

Phụ lục 52: Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
A. CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN – ĐIỆN TỬ						
1	<i>A.1. Bóng đèn</i>	A.1.1. Bóng đèn compact các loại	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế:</i></p> <p>1. Phá dỡ và, phân loại và chế biến thành phế liệu cơ bản (bột thủy tinh/cullet, nhôm).</p> <p><i>Yêu cầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu hồi được tối thiểu 90% khối lượng thủy tinh trên tổng khối lượng 1 đơn vị đèn, có thể thu hồi thêm nhôm và khuyến khích thu hồi thêm Wolfram dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp ▪ Phá dỡ an toàn, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường trong công nghệ tái chế. ▪ Thu hồi được thủy tinh và nhôm ở các dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp (dạng mảnh với nhôm và bột thủy tinh). ▪ Có giải pháp phân tách, lưu giữ và xử lý CTNH (hơi thủy ngân, bột huỳnh quang). 	01/01/2024
2		A.1.2. Bóng đèn huỳnh quang các loại	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế:</i></p> <p>1. Phá dỡ và, phân loại và chế biến thành phế liệu cơ bản (bột thủy tinh/cullet, nhôm).</p> <p><i>Yêu cầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thu hồi được tối thiểu 90% khối lượng thủy tinh trên tổng khối lượng 1 đơn vị đèn, có thể thu hồi thêm 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>nhôm và khuyến khích thu hồi thêm Wolfram dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phá dỡ an toàn, ▪ Thu hồi được thủy tinh và nhôm ở các dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp (dạng mảnh với nhôm và bột thủy tinh). ▪ Có giải pháp phân tách, lưu giữ và xử lý CTNH (hơi thủy ngân, bột huỳnh quang). 	
3	A.2. Máy tính	A.2.1. Máy tính để bàn các loại (gồm cả máy chủ)	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi vật liệu kim loại, thủy tinh và nhựa được tối thiểu 70% tổng lượng vật liệu đó có trong một đơn vị dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<ul style="list-style-type: none"> - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, thủy tinh chứa chì (nếu có), các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, dầu PCB và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử và thủy tinh chứa chì. 	
4		A.2.2. Máy tính xách tay (các loại)	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được lượng vật liệu (nhôm/hợp kim nhôm, magie, thủy tinh) tối thiểu 80% tổng lượng vật liệu đó có trong một đơn vị dưới dạng phế liệu có thể sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, thủy tinh chứa chì (nếu có), các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, dầu PCB và có 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>giải pháp thu gom, xử lý theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử và thủy tinh chứa chì. 	
6	A.3. Thiết bị thông tin	A.3.1. Điện thoại di động các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thải thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu cầu phế liệu. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp => phải có công đoạn thu hồi kim loại từ pin. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin điện thoại và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					kiện điện tử, màn hình LCD và pin Lithium.	
7		A.3.2. Máy tính bảng các loại	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thải thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu cầu phế liệu. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp => phải có công đoạn thu hồi kim loại từ pin. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					kiện điện tử, màn hình LCD và pin lithium.	
8	A.4. Thiết bị nghe nhìn	A.4.1. Máy ảnh, máy quay phim	Tất cả		<p><i>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình LCD, pin), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và tái chế pin thải thành các nhóm vật liệu cơ bản (kim loại) đáp ứng yêu cầu phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p><i>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 50% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử khác có chứa kim loại nặng, màn hình LCD, pin và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. - Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử, linh kiện điện tử rời, màn hình LCD và pin. 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
10	A.5. Thiết bị điện tử gia dụng lớn	A.5.1. Ti vi	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, các linh kiện điện tử rời có chứa kim loại nặng và dầu PCB, màn hình các loại), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thu hồi được tối thiểu 50% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch điện tử, các linh kiện điện tử rời có chứa kim loại nặng và dầu PCB, màn hình các loại và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. Có thể có thêm giải pháp tái chế bảng mạch điện tử và màn hình các loại. 	01/01/2024
11		A.5.2. Tủ lạnh, tủ đông	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn, đèn nhiệt chứa thủy ngân), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 50% lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn, đèn nhiệt chứa thủy ngân và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	
12		A.5.3. Điều hòa không khí cố định, di động	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <p>1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch, màn hình (nếu có), chất tải lạnh, dầu bôi trơn và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định. 	
13		A.5.4. Máy giặt		Tất cả	<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch, màn hình (nếu có), dầu bôi trơn), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các loại và nhựa dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, cao su, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 75 % lượng kim loại và nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch, màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời, dầu bôi trơn và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	
14		A.5.6. Máy rửa bát	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, cao su, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 70% lượng kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					- Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định	
18		A.6.4. Lò nướng, lò vi sóng	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (linh kiện điện tử rời, bảng mạch (nếu có) và màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh (nếu có) dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thu hồi được tối thiểu 60% lượng kim loại và nhựa (và thủy tinh, nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	01/01/2024
19		A.6.5. Bếp điện từ, bếp hồng	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p>	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		ngoại			<ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ thu hồi linh kiện, phụ kiện cho mục đích tái sử dụng một cách có kiểm soát, phân riêng CTNH (linh kiện điện tử rời, bảng mạch (nếu có) và màn hình (nếu có)), nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phá dỡ trực tiếp, nghiền, cắt và phân loại vật liệu cơ bản: kim loại các nhóm, nhựa, thủy tinh dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 60% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh (nếu có) có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh). - Tách được các chất thải nguy hại trong quá trình tái chế: bảng mạch (nếu có), màn hình (nếu có), linh kiện điện tử rời) và có giải pháp thu gom, xử lý theo quy định 	
20	A.7. Tấm quang năng	A.7.1. Tấm quang năng các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế đề xuất:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ các bộ phận (bóc nhãn, khung nhôm, tách kính, bóc silicon, bóc cell quang năng) và tạo ra các phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Cullet thủy tinh, khung nhôm 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>kính, nhựa và cell quang năng có thể tái sinh.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% lượng kim loại, nhựa và thủy tinh có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).- 	
B. ẮC QUY VÀ PIN CÁC LOẠI						
21	B.1. Ắc quy	B.1.1. Ắc quy chì các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế chì thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và axit/muối sulphate. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% chì, 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp và có giải pháp thu hồi axit dưới dạng sản phẩm. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2024
22		B.1.2. Ắc quy kiềm các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Ni, Cd, Ag, Zn (tùy thuộc loại) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp và hợp chất K/Na dựa trên các phương pháp thủy luyện, hòa luyện.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% tổng lượng kim loại, 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp và có giải pháp thu hồi kiểm dưới dạng sản phẩm. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	
23	B.2. Pin	B.2.1. Pin lớn các loại (Li, NiMH, v.v.) sử dụng cho phương tiện giao thông, lưu giữ điện năng, v.v.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Co, Al, Cu, Mn, Cd, Ni và Li (tùy thuộc loại pin) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp dựa trên các phương pháp thủy luyện, hòa luyện. 2. Phá dỡ an toàn và xuất khẩu trong trường hợp không thể thực hiện tái chế loại pin đó ở Việt Nam một cách kinh tế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 50% tổng 	01/01/2024

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>lượng kim loại và 60% nhựa có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	
24		B.2.2. Pin trung các loại, sử dụng cho các thiết bị điện – điện tử khác	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phá dỡ an toàn, phân riêng vật liệu cơ bản và làm sạch dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp: Nhựa PP và PE, tái chế kim loại Fe, Co, Al, Cu, Mn, Cd, Ni và Li (tùy thuộc loại pin) thành phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp dựa trên các phương pháp thủy luyện, hỏa luyện. 2. Phá dỡ an toàn và xuất khẩu trong trường hợp không thể thực hiện tái chế loại pin đó ở Việt Nam một cách kinh tế <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: thu hồi được tối thiểu 50% tổng lượng kim loại có trong 1 đơn vị sản phẩm đáp ứng được yêu cầu phế liệu sử dụng như nguyên liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2024
C. DẦU, NHỚT CÁC LOẠI						
25	C.1. Dầu nhớt	C.1.1 Dầu máy	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p>	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
	<i>các loại</i>	các loại			1. Chung thu hồi dầu gốc. 2. Chung thu hồi dầu các phân đoạn Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được tối thiểu 80% khối lượng dầu thải dưới dạng dầu gốc và các loại dầu đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
26		C.1.2. Nhớt các loại	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Chung thu hồi dầu gốc. 2. Chung thu hồi dầu các phân đoạn Yêu cầu chung cho các giải pháp: - Thu hồi được tối thiểu 80% khối lượng dầu thải dưới dạng dầu gốc và các loại dầu đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	01/01/2023
D. SĂM, LÓP CÁC LOẠI						
27	<i>D.1. Săm</i>	D.1.1. Săm các loại	Tất cả		Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau): 1. Cắt, thu hồi bột cao su, làm cốt liệu. 2. Chung phân đoạn thành dầu. Yêu cầu: - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% khối lượng săm dưới dạng bột cao su, kim loại phế liệu sử	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>dùng được cho các ngành sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 50% khối lượng sẫm dưới các dạng dầu nặng, dầu nhẹ đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	
28	D.2. Lớp	D.1.2. Lớp các loại	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiền cắt, thu hồi bột cao su và kim loại, làm cốt liệu. 2. Chung cất phân đoạn thu hồi nhiên liệu. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% khối lượng sẫm dưới dạng bột cao su, kim loại phế liệu sử dụng được cho các ngành sản xuất - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 50% khối lượng sẫm dưới các dạng dầu nặng, dầu nhẹ đáp ứng được tiêu chuẩn đưa ra thị trường. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
E. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VÀ MÁY MÓC CÔNG TRÌNH						
29	E.1. Xe hai	E.1.1 Xe máy	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tháo dỡ an toàn, kiểm tra thu hồi các bộ phận cho tái sử dụng, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất 	01/01/2025
30	bánh	E.1.2. Xe máy điện, xe đạp điện	Tất cả			01/01/2025

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					<p>của các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Nghiền cắt toàn bộ xe, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp.</p> <p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được tối thiểu 80% kim loại và 50% nhựa, cao su có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng bộ phận có thể tái sử dụng hoặc phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). - Có giải pháp xử lý, tái chế một phần lượng chất thải nguy hại phát sinh (dầu nhớt, dầu bôi trơn, ắc quy, v.v.). 	
32	E2. Xe ô tô các loại	E.2.1. Xe ô tô gia dụng	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <p>1. Tháo dỡ an toàn, kiểm tra thu hồi các bộ phận cho tái sử dụng, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, thủy tinh, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp.</p> <p>2. Nghiền cắt toàn bộ xe, phân riêng vật liệu và thu hồi kim loại, nhựa, cao su dưới dạng phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp.</p>	01/01/2025
33		E.2.2. Xe chở khách	Tất cả			01/01/2025
34		E.2.3. Xe tải các loại	Tất cả			01/01/2025
35	E.3. Máy công trình xây dựng, giao thông	E.3.1. Máy công trình các loại	Tất cả		<p>Yêu cầu chung cho các giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi được trên 90% kim loại, 80% thủy tinh và 50% nhựa, cao su có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng bộ phận có thể tái sử dụng hoặc phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp. - Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). - Có giải pháp xử lý, tái chế một phần lượng chất thải nguy hại 	01/01/2025
36		E.3.2. Xe công trình các loại	Tất cả			01/01/2025

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					phát sinh (dầu nhớt, dầu bôi trơn, ắc quy, bảng mạch, linh kiện điện tử, v.v.).	
G. BAO BÌ CÁC LOẠI						
37	G.1. Thực phẩm và đồ uống	G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Tái chế thành các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bì, hộp giấy, v.v. Phân loại, làm sạch và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% giấy có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng sản phẩm giấy Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
38		G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
39		G.1.3. Thực phẩm và đồ uống sử dụng	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		dụng vật liệu chứa bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 300 ml.			<p>sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp.</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	
40		G.1.4. Thực phẩm và đồ uống chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 300 ml.	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Làm sạch, tái sử dụng Phân loại, xay nghiền thành cullet phục vụ sản xuất thủy tinh. Xay, nghiền thành cốt liệu phục vụ xây dựng. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 3: thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh dưới dạng cốt liệu đáp ứng được yêu cầu trong xây dựng. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					sinh).	
41	G.2.Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm	G.2.1. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
42		G.2.2. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng vật liệu chứa bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 100 ml	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. 3. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). 4. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
					(thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh).	
43		G.2.3. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 100 ml	Tất cả		<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Làm sạch, tái sử dụng 2. Phân loại, xay nghiền thành cullet phục vụ sản xuất thủy tinh. 3. Xay, nghiền thành cốt liệu phục vụ xây dựng. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 2: Thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. - Đối với giải pháp 3: thu hồi được tối thiểu 90% thủy tinh dưới dạng cốt liệu đáp ứng được yêu cầu trong xây dựng. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
44	G.3. Các sản phẩm khác có sử dụng bao bì	G.3.1. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng giấy có dung tích trên 500 ml	Các nhà sản xuất có tổng doanh thu từ sản phẩm có sử dụng bao bì của năm từ 100 tỷ VNĐ trở lên hoặc các nhà nhập khẩu có tổng giá trị nhập khẩu của sản phẩm từ sản phẩm có sử dụng bao bì trong năm từ 50 tỷ VNĐ trở lên	Các nhà sản xuất với lượng tiêu thụ hàng năm từ 50 tấn từ sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên hoặc các nhà nhập khẩu với lượng nhập khẩu hàng năm từ 25 tấn sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên trong năm trước.	<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tái chế thành các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy, v.v. 2. Phân loại, làm sạch và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 80% giấy có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng sản phẩm giấy. - Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023
45		G.3.2. Các sản phẩm khác				<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p>

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
		phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng nhựa có dung tích trên 500 ml			<ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	
46		G.3.3. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng kim loại có dung tích trên 500 ml			<p>Giải pháp tái chế:</p> <ol style="list-style-type: none"> Phân loại, làm sạch và đóng thành các kiện phế liệu sử dụng được như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 70% kim loại có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023

TT (1)	Phân nhóm sản phẩm (2)	Danh mục sản phẩm (3)	Quy mô		Quy cách tái chế (6)	Thời điểm thực hiện (7)
			Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)		
47	G.4. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa	G.4.1. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa bằng nhựa (chai, lọ, bình, hộp, hòm, thùng) có dung tích trên 500 ml			<p>Giải pháp tái chế (có thể chọn các giải pháp sau):</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nguyên liệu tái chế thô dưới dạng hạt nhựa thứ sinh hoặc mảnh đáp ứng yêu cầu sử dụng phế liệu như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. Sản xuất sản phẩm nhựa tái chế. Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu). Phân loại, làm sạch đóng kiện và xuất khẩu làm nguyên liệu tái chế. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với giải pháp 1: Thu hồi được tối thiểu 90% nhựa có trong một đơn vị sản phẩm dưới dạng phế liệu đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất. Đối với giải pháp 2, 3: tái chế được tối thiểu 90% khối lượng nhựa thành các sản phẩm thương mại. Các giải pháp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải và chất thải nguy hại phát sinh). 	01/01/2023

Phụ lục 53. Mẫu Đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện tái chế

Tên nhà sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH NĂM ... VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ TÁI CHẾ NĂM**

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên công ty:	Số điện thoại:
Địa chỉ:	Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật	Mã số thuế:

I. Kế hoạch tái chế năm

Sản phẩm, bao bì	Số lượng	Khối lượng đưa vào thị trường VN	Tỷ lệ tái chế (tính theo kg)	Kế hoạch thu hồi, tái chế		
				Tổ chức tái chế, địa chỉ	Quy cách tái chế	
					Trong nước	Xuất khẩu

II. Kết quả tái chế

Sản phẩm, bao bì	Số lượng	Khối lượng đưa vào thị trường	Tỷ lệ tái chế đạt được (tính theo kg)	Tổ chức tái chế, địa chỉ	Quy cách tái chế	Điều chỉnh so với kế hoạch (nếu có)

Công ty kính gửi Văn phòng EPR Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 54. Mẫu Bảng kê khai số lượng, khối lượng chủng loại sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được bán ra thị trường

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI
SỐ LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM, BAO BÌ
SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU ĐƯỢC ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên công ty:			Số điện thoại:
Địa chỉ:			Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật			Mã số thuế:
Tên sản phẩm	Số lượng/khối lượng	Đơn vị	Tổng số lượng hàng năm

Công ty báo cáo Văn phòng EPR Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC
Ký, đóng dấu
Họ và tên

Phụ lục 55. Mẫu Thông báo nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn**VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****THÔNG BÁO NỘP TIỀN**

Kính gửi: Công ty.....

Ngày...tháng...năm... Văn phòng EPR Việt Nam nhận được Bảng kê khai nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn của quý Công ty. Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn của quý Công ty như sau:

Tên công ty:		Số điện thoại:
Địa chỉ:		Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật		Mã số thuế:
Kỳ nộp tiền (từ ngày đến ngày)		Đồng
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Đồng</i>
Số tiền truy thu (nếu có)		
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Đồng</i>
Tiền nộp chậm (nếu có)		Đồng
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Đồng</i>
Tổng cộng số tiền phải nộp		

Văn phòng EPR Việt Nam kính gửi Công ty... biết, nộp tiền theo thời gian quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC
Ký, đóng dấu
Họ và tên

Phụ lục 56. Mẫu Giấy đăng ký hoạt động của bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền

Tên tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Văn phòng EPR Việt Nam

Tên tổ chức:	Số điện thoại: Địa chỉ email:
Địa chỉ:	Số đăng ký kinh doanh:
Người đại diện theo pháp luật	Mã số thuế:
Các nhà sản xuất ủy quyền: - Công ty.... Số đăng ký kinh doanh... Số đăng ký EPR.... - Công ty.... Số đăng ký kinh doanh... Số đăng ký EPR.... - ...	
Sản phẩm, bao bì được ủy quyền tái chế:	

(kèm theo Hợp đồng ủy quyền đã được ký kết)

Công ty kính gửi Văn phòng EPR Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 57. Giấy chứng nhận hoạt động cho bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế

VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-EPRVN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ SẢN XUẤT

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG EPR VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT ngày...tháng...năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng EPR Việt Nam.

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Tên sản phẩm, bao bì xử lý:

Danh sách nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế:

STT	Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu	Số đăng ký doanh nghiệp	Số hợp đồng ủy quyền; thời hạn ủy quyền	Tên sản phẩm, bao bì ủy quyền tái chế

Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm

Tổ chức thực trách nhiệm của nhà sản xuất có trách nhiệm đăng ký thay đổi giấy chứng nhận trong trường hợp có sự thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận này./.

..., ngày ... tháng ... năm...

GIÁM ĐỐC

Ký, đóng dấu

Họ và tên

Phụ lục 58. Danh mục sản phẩm, bao bì kèm theo mức đóng góp và thời điểm thực hiện trách nhiệm hỗ trợ xử lý chất thải

TT (1)	Loại sản phẩm (2)	Quy mô sản xuất hoặc doanh thu từ sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất phải đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (3)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải			Thời điểm thực hiện (7)
			Hình dáng (4)	Dung tích/ kích thước (5)	Mức đóng góp (6)	
1	Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, diệt côn trùng, hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy các loại	Tổng doanh thu hàng năm từ 15 tỷ đồng trở lên; Hoặc Tổng lượng nhập khẩu hàng năm từ 10 tỷ đồng trở lên; Hoặc Sử dụng từ 10.000 kg nhựa trở lên để làm nguyên liệu để sản xuất sản	Bao, gói, túi	Nhỏ hơn 500ml	100 đồng/ 1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	120 đồng/1 chiếc	01/01/2023
			Chai, lọ, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500ml	200 đồng/1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	350 đồng/1 chiếc	01/01/2023
			Chai, lọ, bình kim loại	Nhỏ hơn 500ml	190 đồng/1 chiếc	01/01/2023
				Từ 500ml trở lên	330 đồng/1 chiếc	01/01/2023
2	Tã lót, bỉm, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần		Tất cả	Tất cả	1,5% tổng giá trị lô hàng được bán trên thị trường trong một năm	01/01/2023
3	Kẹo cao su		Tất cả	Tất cả	1,8% tổng giá trị lô hàng được bán trên thị trường trong một năm	01/01/2023
4	Thuốc lá		Tất cả	Tất cả	100 đồng/20 điếu	01/01/2023
5	Sản phẩm, bao bì sử dụng nhựa như một thành phần nguyên liệu		Tất cả			
5.1	Dao, kéo, thìa, đĩa, đũa, cốc, hộp		Tất cả	Tất cả	2.000 đồng/1 kg	01/01/2023

TT (1)	Loại sản phẩm (2)	Quy mô sản xuất hoặc doanh thu từ sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất phải đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (3)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải			Thời điểm thực hiện (7)
			Hình dáng (4)	Dung tích/ kích thước (5)	Mức đóng góp (6)	
	đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần					
5.2	Ống hút, bóng bay					
5.3.	Sản phẩm may mặc					
5.4	Sản phẩm da, túi, giày, dép					
5.5	Đồ chơi trẻ em					
5.6	Sản phẩm đồ nội thất					
6.7	Sản phẩm nhựa dùng trong xây dựng		Tất cả	Tất cả	1.000 đồng/1 kg	01/01/2023